

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20 tháng 5 năm 2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

H phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Bùi Ngọc Quang**

2. Ông: **Vương Đình Hoàng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa:
Ông **Tùng Văn Bình** – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2024/TLST-HN&GD ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị H**, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Bản Đ, xã MĐ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Lò Văn T**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Bản N, xã NC, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 31/01/2024 và bản tự khai của chị H ngày 06/02/2024 nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:

- **Về hôn nhân:** Tôi và anh Lò Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2005 tại UBND xã MĐ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới, tôi và anh T về sống tại bản N, xã NC, huyện Mường Ảng. Trong quá trình chung sống, tôi và anh T phát sinh mâu thuẫn do anh T nghiện chất ma túy, thường xuyên bỏ bê gia đình và vợ con. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không bỏ được chất ma túy, không tu trí làm ăn. Mâu thuẫn quá lớn khiến tôi và anh T thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2019, tôi và anh T sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không

đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn T.

- **Về con chung:** Trong quá trình chung sống tôi và anh T có 02 người con chung là cháu Lò Thị Th, sinh ngày 01/10/2006 và cháu Lò Văn T1, sinh ngày 06/12/2008. Hiện nay các cháu đang sống cùng với tôi tại bản Đ, xã MĐ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Nguyện vọng của tôi sau khi ly hôn là tôi được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, tài sản riêng:** Tôi và anh T không có.

- **Về nợ chung, nợ phải trả, nợ thu về:** Tôi và anh T không có.

* **Bị đơn:** Anh Lò Văn T mặc dù được Tòa án thông báo và triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì.

* **Trong quá trình giải quyết vụ án:**

- Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Lò Thị Th và cháu Lò Văn T1 nguyện vọng của các cháu là muốn được ở với mẹ.

- Tòa án đã tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Lò Văn T; xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị Lò Thị H và anh Lò Văn T tại bản N, xã NC, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Biên bản xác minh điều kiện kinh tế của chị Lò Thị H tại bản Đ, xã MĐ.

* **Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hôn nhân:** Tuyên bố chị Lò Thị H được ly hôn anh Lò Văn T.

- **Con chung:** Giao 02 cháu Lò Thị Th, sinh ngày 01/10/2006 và cháu Lò Văn T1, sinh ngày 06/12/2008 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về:** Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Án phí:** Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 31/01/2024, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án tiến hành tổng đạt cho bị đơn là anh Lò Văn T theo quy định của pháp luật. Đồng thời Tòa án triệu tập anh T lên Tòa án để làm việc, nhưng anh T vắng mặt.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ. Ngày 07/3/2024 chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 03/5/2024, bị đơn là anh Lò Văn T vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 20/5/2024.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn là chị Lò Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như đơn khởi kiện; Bị đơn là anh Lò Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Lò Văn T.

[2] Nội dung vụ án:

* *Về hôn nhân:* Theo đơn xin ly hôn đề ngày ngày 31/01/2024 và bản tự khai của chị H ngày 06/02/2024 và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử thấy: Chị H và anh T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2005 tại UBND xã MĐ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Sau khi cưới, chị H và anh T về sống tại bản N, xã NC, huyện Mường Ảng. Trong quá trình chung sống, chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn do anh T nghiện chất ma túy, thường xuyên bỏ bê gia đình và vợ con. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không bỏ được chất ma túy, không tu trí làm ăn. Từ năm 2019 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ để ở, nên chị H và anh T đã ly

thân và không liên lạc hay quan tâm đến nhau mặc dù hai anh chị nhà gần nhau. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bốn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị H. Tuyên xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Lò Văn T.

* *Về con chung*: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn T có 02 người con chung là cháu Lò Thị Th, sinh ngày 01/10/2006 và cháu Lò Văn T1, sinh ngày 06/12/2008. Chị H có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu Th, cháu T1 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay 02 cháu đang sinh sống ổn định và được chăm sóc, học tập tốt nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt, phù hợp với nguyện vọng của các cháu cần tiếp tục giao cháu cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

* *Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về*: Chị H, anh T không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Chị H là người dân tộc thiểu số sống ở bản có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 của BLTTDS 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị H: Chị Lò Thị H được ly hôn anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu 02 cháu Lò Thị Th, sinh ngày 01/10/2006 và cháu Lò Văn T1, sinh ngày 06/12/2008 cho chị Lò Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Đương sự không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị H.

5. Quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã MĐ, h.Mường Ảng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Vân